TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST Ngày 24-7-2023 V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Cường**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Văn Vượng**.

2. Ông **Ma Quốc Thể**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Trần Thị Minh Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Hữu Trí** – Kiểm sát viên.

Ngày 24/7/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/5/2023 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Cao Thị N** – Sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn V** – Sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Cao Thị N có quan điểm trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh V trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 15/8/2008 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị N và anh V chung sống với nhau tại thôn Đ, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi

nhau; hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vẫn không khắc phục được. Tháng 11/2021, chị N đã làm đơn xin ly hôn với anh V, nhưng vì thương con cái và muốn cho anh V cơ hội để thay đổi nên chị đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi rút đơn, mâu thuẫn của vợ chồng vẫn không thay đổi, vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau. Chị N xét thấy tình cảm của vợ, chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh V ly hôn với nhau để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị N, anh V có hai con chung.

- Cháu Trần Thị Mỹ D – Sinh ngày: 02/8/2009.

- Cháu Trần Quang D1 – Sinh ngày: 28/7/2011.

Chị N có quan điểm sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D1 và giao cháu D cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Cao Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Trần Văn V có quan điểm trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 15/8/2008 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh và chị N chung sống với nhau tại thôn Đ, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng 03 năm gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng xảy ra xô sát, cãi vã lẫn nhau. Anh V xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng; anh và chị N đều là người Công giáo (theo quy định của Công giáo thì không được phép ly hôn) nên không nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị N. Đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng quay về đoàn tụ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh V, chị N có hai con chung.

- Cháu Trần Thị Mỹ D – Sinh ngày: 02/8/2009.

- Cháu Trần Quang D1 – Sinh ngày: 28/7/2011.

Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh V có quan điểm sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D và giao cháu D1 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ. Tòa án không tiến hành mở phiên hòa giải vì anh V vắng mặt (Anh V có đơn xin giải quyết vắng mặt). Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" của chị Cao Thị N đối với anh Trần Văn V.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Cao Thị N và anh Trần Văn V ly hôn.

3. Về con chung:

- Giao cháu Trần Thị Mỹ D – Sinh ngày: 02/8/2009 cho anh Trần Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu D trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 24/7/2023.

- Giao cháu Trần Quang D1 – Sinh ngày: 28/7/2011 cho chị Cao Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu D1 trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 24/7/2023.

Chị Cao Thị N và anh Trần Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

5. Về án phí; Quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết.

- Về quan hệ tranh chấp: Chị Cao Thị N và anh Trần Văn V là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên chị N khởi kiện về việc xin ly hôn với anh V và yêu cầu giải quyết về con chung. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Do đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Trần Văn V có ĐKHKTT và đang sinh sống tại xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị N và anh Trần Văn V xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 15/8/2008 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do vợ, chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau và có xảy ra xô sát với nhau.

HĐXX thấy rằng, thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh V cuộc sống chung vợ chồng không hòa hợp, mâu thuẫn đã kéo dài, không thể khắc phục được nữa, vợ chồng đã từng rút đơn về đoàn tụ với nhau nhưng chị N và anh V cũng không thể hòa giải, hàn gắn được tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh V là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, không có căn cứ, cơ sở để chấp nhận quan điểm không nhất trí ly hôn với chị N của anh V.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị N và anh V có hai con chung.

- Cháu Trần Thị Mỹ D – Sinh ngày: 02/8/2009.

- Cháu Trần Quang D1 – Sinh ngày: 28/7/2011.

Chị N và anh V cùng có quan điểm giao cháu D1 cho chị N và giao cháu D cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

HĐXX nhận thấy: Cháu D và cháu D1 đang ở độ tuổi rất cần sự quan tâm, giáo dục một cách thường xuyên của cha, mẹ để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần, sức khỏe và nhân cách. Chị N và anh V cùng có nơi cư trú rõ ràng; công việc, thu nhập ổn định nên đảm bảo được về thời gian, điều kiện sinh hoạt, học tập cho con. Quá trình nuôi con, chị N và anh V không vi phạm nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của con. Cháu D có quan điểm muốn được ở cùng bố là anh V, cháu D1 có quan điểm muốn được ở cùng mẹ là chị N, phù hợp với quan điểm của chị N và anh V.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, để ổn định cuộc sống và học tập của các con chung, cần chấp nhận nguyện vọng của chị N và anh V về việc nuôi con chung. Giao cháu D cho anh V chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu D1 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị N và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Cao Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 3 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" của chị Cao Thị N đối với anh Trần Văn V.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Cao Thị N và anh Trần Văn V ly hôn.

3. Về con chung:

- Giao cháu Trần Thị Mỹ D – Sinh ngày: 02/8/2009 cho anh Trần Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu D trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 24/7/2023.

- Giao cháu Trần Quang D1 – Sinh ngày: 28/7/2011 cho chị Cao Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu D1 trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 24/7/2023.

Chị Cao Thị N và anh Trần Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Chị Cao Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2021/0002801 ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*Chị Cao Thị N đã nộp đủ tiền án phí*).

5. Quyền kháng cáo: Chị Cao Thị N và anh Trần Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện S;
- Ủy ban nhân dân xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Cường